

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 55/2003/TT-BTC ngày 04/6/2003 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2000/TT-BTC ngày 18/4/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21/12/1999 về lệ phí trước bạ.

Căn cứ Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 176/1999/NĐ-CP và Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 về lệ phí trước bạ;

Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2000/TT-BTC ngày 18/4/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 176/1999/NĐ-CP như sau:

I. Sửa đổi, bổ sung điểm 3 Mục II Thông tư số 28/2000/TT-BTC:

3. Tỷ lệ (%) lệ phí trước bạ được quy định như sau:

3.1. Nhà, đất là: 1%

3.2. Tàu, thuyền: 1%; riêng tàu đánh cá xa bờ là: 0,5%

Tàu đánh cá xa bờ là tàu được lắp máy chính có công suất từ 90 mã lực (CV) trở lên, khi nộp lệ phí trước bạ chủ tàu phải xuất trình cho cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký:

- Biên bản kiểm tra kỹ thuật do cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp.

- Giấy tờ xác minh nguồn gốc hợp pháp của tàu, ghi rõ số máy, công suất máy chính của tàu thuộc đối tượng kê khai lệ phí trước bạ.

3.3. Ôtô, xe máy, súng săn, súng thể thao là: 2%; Riêng:

a) Ôtô từ 7 chỗ ngồi trở xuống (trừ ô tô hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách theo giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp) và xe máy của tổ chức, cá nhân ở các thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố thuộc tỉnh và thị xã nơi Ủy ban nhân dân tỉnh đóng trụ sở, nộp lệ phí trước bạ lần đầu tại Việt Nam (không phân biệt xe mới 100% hay xe đã qua sử dụng) là: 5%.

b) Đối với ô tô từ 7 chỗ ngồi trở xuống (trừ ô tô hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách theo Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp) và xe máy mà chủ tài sản đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm a trên đây, sau đó chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn được áp dụng tỷ lệ thu lệ phí trước bạ thấp hơn thì nộp lệ phí trước bạ theo tỷ lệ là 2% đối với ô tô và 1% đối với xe máy.

Trường hợp chủ tài sản trên đã kê khai, nộp lệ phí trước bạ theo tỷ lệ thấp hơn 5%, sau đó chuyển giao tài sản cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn quy định tại điểm a trên đây thì nộp lệ phí trước bạ theo tỷ lệ là 5%.

c) Đối với xe máy nộp lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi được áp dụng tỷ lệ là 1%, trừ những trường hợp quy định tại điểm b trên đây.

d) Đối với xe ô tô chở người từ 7 chỗ ngồi trở xuống hoạt động kinh doanh vận tải chở khách, nộp lệ phí trước bạ là 2%, bao gồm:

d.1) Xe ô tô từ 7 chỗ ngồi trở xuống của các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách, như: công ty taxi, công ty kinh doanh vận tải hành khách, công ty vận tải khách du lịch,... Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai, nộp lệ phí trước bạ phải cung cấp cho cơ quan thuế:

- Giấy giới thiệu của tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải hành khách (đối với tổ chức). Giấy giới thiệu phải ghi rõ số lượng, chủng loại xe nộp lệ phí trước bạ.

- Chứng từ mua xe hợp pháp theo quy định của Bộ Tài chính.

- Giấy phép kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận chuyển hành khách của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao có công chứng nhà nước).

d.2) Xe ô tô con cho thuê tài chính đối với các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh vận tải hành khách (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải hành khách). Công ty cho thuê tài chính thực hiện kê khai, nộp lệ phí trước bạ phải cung cấp cho cơ quan thuế:

- Giấy giới thiệu của công ty cho thuê tài chính, ghi rõ số lượng, chủng loại xe ô tô đăng ký để cho thuê tài chính.

- Giấy phép kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động cho thuê tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (nếu là bản sao thì phải có công chứng nhà nước).

- Hợp đồng cho thuê tài chính ký kết giữa công ty cho thuê tài chính với tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách thuê tài chính, trong đó phải ghi rõ: số lượng xe ô tô từ 7 chỗ ngồi trở xuống cho thuê tài chính, thời hạn thuê (nếu là bản sao thì phải có công chứng nhà nước).

- Giấy phép kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận chuyển hành khách của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho bên thuê tài chính là tổ chức, cá nhân đứng tên ký hợp đồng thuê tài chính (bản sao có công chứng nhà nước).

e) Mức thu lệ phí trước bạ xác định theo tỷ lệ (%) nêu tại điểm 3.1, 3.2, 3.3 trên đây tối đa là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng/1 tài sản. Riêng nhà xưởng sản xuất kinh doanh được tính chung cho nhà xưởng trong cùng một khuôn viên của cơ sở sản xuất kinh doanh.

f) Trong mục này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

f.1) Xe ô tô con chở người từ 7 chỗ ngồi trở xuống, không bao gồm xe lam.

f.2) Xe máy, gồm: xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự không kể xe máy 3 bánh chuyên dùng cho người tàn tật.

f.3) Các thành phố, thị xã nêu tại Thông tư này được xác định theo địa giới hành chính nhà nước cụ thể như sau:

- Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố trực thuộc Trung ương khác (như thành phố Đà Nẵng, thành phố Hải Phòng...) bao gồm tất cả các quận, huyện trực thuộc thành phố không phân biệt nội thành hay ngoại thành, đô thị hay nông thôn.

- Thành phố thuộc tỉnh và thị xã nơi Ủy ban nhân dân tỉnh đóng trụ sở bao gồm tất cả các phường, xã thuộc thành phố, thị xã, không phân biệt là phường nội thành, nội thị hay xã ngoại thành, ngoại thị.

II. Sửa đổi, bổ sung tiết k1 điểm 3 Mục I Thông tư số 28/2000/TT-BTC như sau:

k1) Tổ chức, cá nhân đem tài sản của mình góp vốn vào tổ chức liên doanh, hợp doanh có tư cách pháp nhân (doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần,...); Xã viên hợp tác xã góp vốn vào hợp tác xã thì tổ chức nhận tài sản không phải

LawSoft * Tel: +84-8-3845-6684 * www.LuuVienPhapLuat.Com

nộp lệ phí trước bạ đối với tài sản góp vốn; hoặc khi các tổ chức này giải thể phân chia tài sản của mình cho các tổ chức, cá nhân thành viên đăng ký quyền sở hữu, sử dụng. Ngoài ra, nếu các hợp tác xã có quyết định điều chuyển tài sản giữa các xã viên thuộc thành viên hợp tác xã với nhau thì người nhận tài sản cũng không phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký lại quyền sở hữu, sử dụng.

Cá nhân góp vốn bằng tài sản vào hợp tác xã, sau đó ra khỏi hợp tác xã nhận lại tài sản thì không phải nộp lệ phí trước bạ. Trường hợp này người nhận tài sản phải xuất trình cho cơ quan thuế:

- Quyết định thành lập hợp tác xã hoặc điều lệ hoạt động của hợp tác xã, kèm theo danh sách cá nhân thành viên hợp tác xã hoặc giấy tờ chứng minh vốn góp vào hợp tác xã bằng tài sản của cá nhân xã viên góp vốn (bản sao có công chứng nhà nước).

- Quyết định của hợp tác xã hoàn trả vốn bằng tài sản cho xã viên ra khỏi hợp tác xã (bản sao có công chứng nhà nước).

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng tài sản do hợp tác xã đứng tên.

III. Tổ chức thực hiện:

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây về lệ phí trước bạ trái với Nghị định số 47/2003/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

THÔNG TƯ số 56/2003/TT-BTC ngày 09/6/2003 hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng Thông tư này là Ngân hàng Chính sách xã hội được thành lập theo Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 4/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động tài chính của Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện theo quy định của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách, Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội, nội dung hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính khác có liên quan.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội là một tổ chức tín dụng Nhà nước hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; là một pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước và các Tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam.